

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ DFK VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ DFK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DFK VIET NAM ENTERTAINMENT AND MEDIA SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DFK MEDIA., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108366553

3. Ngày thành lập: 17/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12, Dãy C, Ngõ 241, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
3.	Bưu chính	5310
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5.	Xuất bản phần mềm	5820

6.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không bao gồm sản xuất phim) Hoạt động sản xuất phim video	5911
7.	Hoạt động hậu kỳ	5912
8.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video	5913
9.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
10.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
11.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
12.	Quảng cáo	7310
13.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
15.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
16.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
17.	Điều hành tua du lịch	7912
18.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
19.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
21.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
22.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
23.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
24.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
25.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
26.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa	5229
28.	Chuyển phát	5320
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
30.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
31.	Hoạt động chiếu phim	5914

32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.	7110
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
39.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ Hoạt động của các nhà báo độc lập và hoạt động nhà nước cấm)	9000
40.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
41.	Cơ sở lưu trú khác	5590
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

43.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che .v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
46.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
50.	Cho thuê xe có động cơ	7710
51.	Đại lý du lịch	7911
52.	Dịch vụ ăn uống khác	5629(Chính)
53.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
54.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
55.	In ấn	1811
56.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
57.	Xây dựng nhà các loại	4100
58.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
59.	Xây dựng công trình công ích	4220
60.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
65.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
66.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
67.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610

68.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (trừ loại Nhà nước cấm) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO XUÂN VIỆT	Số 12A, Ngõ 218 Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	34,000	031089004190	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	34,000		
2	TRẦN THỊ LAN	Thôn Đọi Tam, Xã Đọi Sơn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	33,000	168282001	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	33,000		
3	TRẦN THỊ KHÁNH HÒA	P306, C4, TT HVBC và TT Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	33,000	013645080	
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO XUÂN VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031089004190

Ngày cấp: 20/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12A, Ngõ 218 Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12A, Ngõ 218 Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội